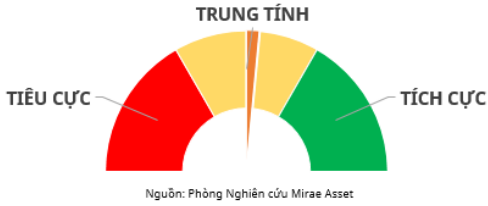


01 Tháng Bảy 2022

Thang đo sức mạnh thị trường ngắn hạn



Bản tin cuối ngày

Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeeasset.com.vn

Tổng quan thị trường

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
VN-INDEX	1,198.90	0.11	-7.74	-15.40
HNX	278.88	0.43	-11.57	-14.38
UPCOM	88.18	-0.46	-7.28	-2.50
MSCI EM	1,000.67	-1.24	-6.29	-26.86
NIKKEI	25,935.62	-1.73	-5.54	-9.65
HANG SENG	21,859.79	-0.62	2.65	-24.17
KOSPI	2,305.42	-1.17	-14.17	-29.76
FTSE	7,133.37	-0.50	-5.30	0.12
S&P 500	3,785.38	-0.88	-7.70	-12.37
NASDAQ	11,028.74	-1.33	-8.05	-24.06

Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VN-INDEX	13.06	2.01	15.60
SET INDEX	16.86	1.16	9.17
JCI INDEX	14.45	2.00	13.19
PCOMP INDEX	17.68	1.51	8.96

Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1W (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.00	0	0	0
5 năm	2.40	1	2	131
10 năm	3.24	0	10	104

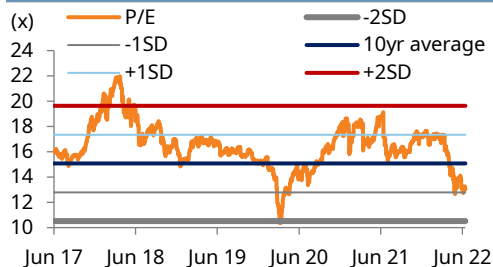
Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	23,279	0.01	-0.32	-1.13
US\$/KRW	1,297	0.12	-4.61	-12.67
US\$/JPY	135	0.21	-3.92	-17.65
US\$/EUR	0.96	0.26	1.89	13.33
US\$/GBP	0.83	0.52	3.06	13.60
US\$/SGD	1.39	-0.23	-1.38	-3.22

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)

	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 1 năm
VN-INDEX	437	563	934
HNX	46	65	123
UPCOM	25	48	72

Định giá VN-INDEX: P/E 10 năm lịch sử



Nhận định thị trường

Hồi phục sau 2 tuần giảm liên tiếp, tín hiệu cân bằng xuất hiện

Giữ vững thành công vùng đáy cũ (1.156 – 1.170), VN-Index đã khởi đầu tuần mới với 2 phiên tăng liên tiếp. Từ mức 1.162, chỉ số đã vượt ngưỡng 1.200 và chạm mức cao nhất tuần tại 1.221. Khi thanh khoản không cải thiện, đà hồi phục đã tạm dừng tại vùng 1.220 với phiên giảm hơn 20 điểm ngày 30/06. Dấu hiệu tích cực đã xuất hiện trong phiên cuối tuần khi chỉ số cân bằng tại 1.170 và hồi phục nhẹ giúp chỉ số chốt tuần tại 1.198,90, tăng 13,42 điểm (+1,13%).

Nhóm cổ phiếu Ngân hàng trở thành tâm điểm của thị trường trong tuần khi đóng góp 6/10 vị trí ảnh hưởng lớn nhất đến VN-Index. Tổng cộng các mã BID, CTG, VIB, VPB, HDB và TPB đã giúp VN-Index tăng đến 11,5 điểm. Chiều giảm điểm dẫn đầu bởi VHM và VIC có mức ảnh hưởng lần lượt -2,1 điểm và -2,0 điểm.

Khối ngoại có tuần mua ròng 103 tỷ đồng, CTG, VND và MSN là 3 cổ phiếu được mua ròng lớn nhất với giá trị lần lượt là 234 tỷ đồng, 164 tỷ đồng và 146 tỷ đồng. Chiều bán ròng, khối này bán mạnh nhất mã NVL với giá trị 191 tỷ đồng.

Diễn biến điều chỉnh và lấy lại cân bằng tại vùng 1.170 của VN-Index được chúng tôi đánh giá là rất đáng chú ý trong tuần. Nếu tăng điểm trong những phiên đầu tuần sau, khả năng VN-Index sẽ tạo đáy mới cao hơn tại vùng 1.170 và là tín hiệu cho diễn biến hồi phục tiếp diễn. VN-Index đang có mức P/E là 13,0x. Tín hiệu kỹ thuật ngắn hạn đang ở mức **0 (TRUNG TÍNH)**.

Phạm Bình Phương, Analyst, 84-8-39102222, phuong.pb@miraeeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	0	TRUNG TÍNH
VN30	0	TRUNG TÍNH
VN30F1M	0	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	2	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	1	TRUNG TÍNH
Shanghai Composite	2	TRUNG TÍNH
Kospi	-5	TIÊU CỰC
Nikkei 225	-5	TIÊU CỰC
FTSE 100 (EU)	-2	TRUNG TÍNH
Dow Jones	0	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	0	TRUNG TÍNH
VN30	0	TRUNG TÍNH
VN30F1M	0	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	2	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	1	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIẾU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (01/07/2022)	1.198	Kháng cự 1 1.200
Xu hướng ngắn hạn (1 – 4 tuần)	Đi ngang	Kháng cự 2 1.250
Xu hướng trung hạn (1 - 3 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 1 1.150
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 2 1.050

Diễn biến điều chỉnh và lấy lại cân bằng tại vùng 1.170 của VN-Index được chúng tôi đánh giá là rất đáng chú ý trong tuần. Nếu tăng điểm trong những phiên đầu tuần sau, khả năng VN-Index sẽ tạo đáy mới cao hơn tại vùng 1.170 và là tín hiệu cho diễn biến hồi phục tiếp diễn.

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: Fireant

Nhận định phái sinh

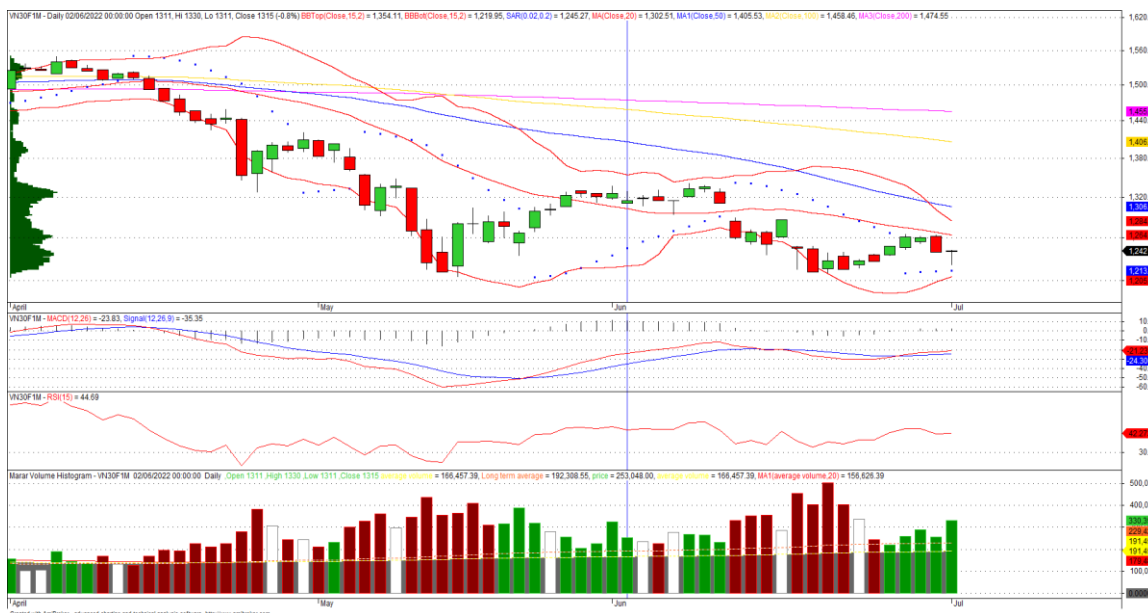
Chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (01/07/2022)	1.242	Kháng cự 1 1.260
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	TRUNG TÍNH	Kháng cự 2 1.280
VN30 – đóng cửa	1.252	Hỗ trợ 1 1.240
Chênh lệch VN30F1M & VN30	-10.24	Hỗ trợ 2 1.210

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	5	KHÁ QUAN
VN30F1M (chart 60 phút)	3	TRUNG TÍNH
VN30F1M (chart ngày)	0	TRUNG TÍNH

VN30F1M hồi phục tốt trong phiên cuối tuần và tiếp tục tích lũy ở quanh vùng giá thấp, thanh khoản vẫn đang ở mức cao. Vì vậy chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư khẩu vị rủi ro cao có thể xem xét mở vị thế MUA (LONG) với kỳ vọng phục hồi trong tuần sau. Còn đối với nhà đầu tư chấp nhận rủi ro trung bình và thấp không nên tham gia mở vị thế khi xu hướng chưa xác định rõ.

Chiến lược 1 (Short)	Điểm số	Chiến lược 2 (Long)	Điểm số
+ Short	N/A	+ Long	1,235
+ Stop loss (Cắt lỗ)	N/A	+ Stop loss (Cắt lỗ)	1,230
+ Take profit (Chốt lời)	N/A	+ Take profit (Chốt lời)	1,280

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (đồ thị ngày)



Nguồn: Fdata

TOP CỔ PHIẾU ĐẠT TIÊU CHÍ SỨC MẠNH GIÁ – MIRAE ASSET

Mã	Ngành	Giá đóng cửa	KLTB 20 ngày	Điểm sức mạnh giá (*)	Điểm kỹ thuật ngắn hạn	Sức mạnh ngành (**)
VNM	Thực phẩm	73,700	2,190,305	85	4	VNM

Top sức mạnh giá chỉ có duy nhất VNM đạt tiêu chí. Điều này phản ánh dòng tiền khá thận trọng trong ngắn hạn.

(*) Điểm sức mạnh giá được Mirae Asset Research tính toán dựa trên các tiêu chí: 1) tăng trưởng giá cổ phiếu trong 1 & 4 & 12 tuần; 2) khối lượng giao dịch được cải thiện tích cực; 3) điểm kỹ thuật ngắn hạn từ 4 điểm trở lên.

(**) Mirae Asset tính toán 1-5 nhóm ngành lọt top sức mạnh ngành dựa trên các tiêu chí: 1) Điểm kỹ thuật ngắn hạn trung bình ngành phải từ 0 điểm (TRUNG TÍNH) đến 7 điểm (TÍCH CỰC); 2) điểm sức mạnh giá trung bình ngành nằm trong top 5 ngành tốt nhất.

Nhóm cổ phiếu nằm trong top sức mạnh giá kỳ vọng sẽ có diễn biến giá tích cực hơn VN-Index trong ít nhất 1 đến 2 tuần tới.

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã (đơn vị)	Đóng cửa (kvnd)	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa (tỷ đồng)	P/E (lần)	P/BV (lần)	GTGD (tỷ đồng)
VND	18.6	20,874,536	5	KHẢ QUAN	22,652	5.4	1.4	388
CTG	26.95	3,937,365	5	KHẢ QUAN	129,515	10.5	1.3	106
FLC	5.8	8,511,535	5	KHẢ QUAN	4,118	#N/A N/A	0.5	49
BID	35.05	1,350,925	5	KHẢ QUAN	177,301	15.5	2.0	47
DBC	20.95	2,202,515	5	KHẢ QUAN	5,070	10.7	1.1	46
VIB	22.75	1,999,145	5	KHẢ QUAN	47,950	7.1	1.8	45
LDG	8.77	3,732,360	5	KHẢ QUAN	2,100	15.5	0.6	33
SSI	19.7	15,721,035	4	KHẢ QUAN	29,356	6.9	1.4	310
VPB	29.1	9,527,610	4	KHẢ QUAN	129,363	7.5	1.5	277
VNM	73.7	2,190,305	4	KHẢ QUAN	154,030	16.8	4.8	161
VCI	35.35	4,327,875	4	KHẢ QUAN	11,842	7.2	1.6	153
LPB	13.05	7,963,340	4	KHẢ QUAN	19,622	5.9	1.0	104
HCM	21.6	4,107,750	4	KHẢ QUAN	9,876	8.2	1.3	89
HBC	17.8	4,843,575	4	KHẢ QUAN	4,373	39.7	1.2	86
NLG	36.05	2,290,300	4	KHẢ QUAN	13,805	19.0	1.6	83
TPB	27.3	2,448,340	4	KHẢ QUAN	43,182	8.3	1.6	67
HDC	37.3	1,392,440	4	KHẢ QUAN	4,032	12.1	2.7	52
SBT	17.7	2,576,110	4	KHẢ QUAN	11,136	15.5	1.3	46
HAG	8.9	11,939,030	3	TRUNG TÍNH	8,254	16.1	1.8	106
HPG	22.4	22,923,700	2	TRUNG TÍNH	130,251	3.9	1.3	513
STB	22	14,687,655	2	TRUNG TÍNH	41,475	10.5	1.2	323
DIG	36.5	8,539,935	2	TRUNG TÍNH	18,246	17.3	2.4	312
MBB	24.2	8,959,625	2	TRUNG TÍNH	91,435	6.7	1.4	217
DXG	19.7	9,529,775	2	TRUNG TÍNH	11,968	13.1	1.3	188
TCB	36	4,909,490	2	TRUNG TÍNH	126,393	6.6	1.3	177
NKG	18.7	7,671,915	2	TRUNG TÍNH	4,923	1.9	0.8	143
PNJ	128.2	1,116,185	2	TRUNG TÍNH	31,071	23.6	3.9	143
HSG	16.9	8,278,320	2	TRUNG TÍNH	8,340	2.4	0.7	140
SHS	14.5	7,962,545	2	TRUNG TÍNH	5,530	4.7	1.1	115
KBC	32.55	3,143,785	2	TRUNG TÍNH	24,986	37.6	1.7	102
IDC	49.5	2,021,315	2	TRUNG TÍNH	16,335	24.9	3.9	100
PDR	52.4	1,885,635	2	TRUNG TÍNH	35,194	18.9	4.8	99
SHB	13.45	6,529,480	2	TRUNG TÍNH	35,869	5.6	0.9	88

GEG	24	2,946,680	2	TRUNG TÍNH	7,727	22.0	2.2	71
CII	16.25	4,005,435	2	TRUNG TÍNH	4,098	12.8	0.8	65
ACB	24.05	2,647,630	2	TRUNG TÍNH	81,227	7.8	1.7	64
VIX	9.57	6,585,600	2	TRUNG TÍNH	5,256	4.7	0.8	63
VCG	18.2	3,285,640	2	TRUNG TÍNH	8,843	10.5	1.3	60
HDB	24.5	2,000,130	2	TRUNG TÍNH	49,299	7.6	1.6	49
SCR	9.2	4,065,685	2	TRUNG TÍNH	3,370	16.1	0.7	37
VOS	18.15	1,822,160	2	TRUNG TÍNH	2,541	4.5	2.4	33
GMD	51.4	3,159,905	0	TRUNG TÍNH	15,491	22.8	2.3	162
HAH	71.3	2,104,160	0	TRUNG TÍNH	4,869	8.9	2.9	150
CEO	28	4,559,340	0	TRUNG TÍNH	7,206	49.1	2.4	128
HUT	26.8	3,975,200	0	TRUNG TÍNH	9,343	51.0	2.4	107
VGC	52.9	1,681,270	0	TRUNG TÍNH	23,718	14.4	3.0	89
NT2	25.25	3,363,525	0	TRUNG TÍNH	7,269	13.1	1.7	85
PVT	20.5	3,928,450	0	TRUNG TÍNH	6,635	9.8	1.2	81
KDC	64.9	1,173,110	0	TRUNG TÍNH	16,330	26.6	2.5	76
VPI	62.3	1,020,300	0	TRUNG TÍNH	13,706	33.8	4.5	64
TCH	10.95	4,323,275	0	TRUNG TÍNH	7,317	14.2	0.8	47
AAA	11.45	4,022,265	0	TRUNG TÍNH	3,738	11.6	0.8	46
CTR	63.7	641,215	0	TRUNG TÍNH	7,287	18.5	5.2	41
GVR	22.6	1,796,020	0	TRUNG TÍNH	90,400	20.6	1.8	41
PLX	40.6	984,445	0	TRUNG TÍNH	51,586	20.8	2.0	40
GIL	56.6	649,345	0	TRUNG TÍNH	3,396	6.4	1.4	37
ORS	15.2	2,403,320	0	TRUNG TÍNH	3,040	#N/A N/A	1.3	37
VSC	41.5	868,405	0	TRUNG TÍNH	5,033	12.5	1.8	36
VGJ	17.9	1,981,375	0	TRUNG TÍNH	8,950	11.4	1.3	35
LCG	9.95	3,475,005	0	TRUNG TÍNH	1,715	8.7	0.7	35
SZC	45.25	745,305	0	TRUNG TÍNH	4,525	16.4	3.2	34
GEX	19.85	10,856,055	-2	TRUNG TÍNH	16,902	14.7	1.3	215
FPT	88	2,244,295	-2	TRUNG TÍNH	96,539	20.5	5.0	197
VHC	90	2,193,765	-2	TRUNG TÍNH	16,504	10.8	2.6	197
GAS	113	1,593,295	-2	TRUNG TÍNH	216,276	22.1	4.0	180
TNG	30.7	4,146,805	-2	TRUNG TÍNH	3,074	11.4	2.1	127
PC1	40	2,898,915	-2	TRUNG TÍNH	9,406	12.4	1.9	116
VJC	130.1	666,640	-2	TRUNG TÍNH	70,464	359.9	4.1	87
BVH	53.1	1,543,290	-2	TRUNG TÍNH	39,417	21.0	1.8	82
ASM	15	5,069,705	-2	TRUNG TÍNH	5,048	7.3	1.0	76
BCG	14	5,347,425	-2	TRUNG TÍNH	7,046	6.4	1.1	75
MIG	25	1,911,690	-2	TRUNG TÍNH	4,111	16.2	2.3	48
KSB	24.6	1,487,850	-2	TRUNG TÍNH	1,877	8.7	1.0	37
PHR	64.8	563,230	-2	TRUNG TÍNH	8,780	12.7	2.7	36
CMX	16.95	2,126,670	-2	TRUNG TÍNH	1,539	11.4	1.4	36
DCM	31.5	6,812,120	-3	TRUNG TÍNH	16,676	5.6	1.9	215
BSR	27.5	20,810,740	-4	TIÊU CỰC	85,264	13.0	2.3	572
PVS	24.5	12,034,985	-4	TIÊU CỰC	11,710	17.4	1.0	295
DGC	112	2,248,520	-4	TIÊU CỰC	41,579	12.9	5.7	252
DPM	49.45	4,761,180	-4	TIÊU CỰC	19,351	3.8	1.6	235
MWG	70.3	3,061,505	-4	TIÊU CỰC	102,899	20.0	4.6	215

NVL	74.4	2,838,500	-4	TIÊU CỰC	145,064	34.3	4.0	211
PVD	16.8	8,889,000	-4	TIÊU CỰC	8,490	148.9	0.6	149
FRT	88.8	1,665,720	-4	TIÊU CỰC	10,520	18.2	5.8	148
REE	86	1,658,855	-4	TIÊU CỰC	30,565	14.3	2.2	143
HDG	54.9	2,346,780	-4	TIÊU CỰC	11,191	10.6	2.4	129
MSN	109.5	996,510	-4	TIÊU CỰC	155,898	15.6	5.6	109
VRE	28.65	1,854,095	-4	TIÊU CỰC	65,102	71.5	2.1	53
PAN	20.6	2,160,155	-4	TIÊU CỰC	4,303	12.3	1.0	44
PET	35.8	971,520	-4	TIÊU CỰC	3,216	11.2	1.7	35
HQC	3.97	8,229,715	-4	TIÊU CỰC	1,892	233.1	0.4	33
CSV	44.55	729,000	-4	TIÊU CỰC	1,969	7.4	1.6	32
ANV	51.6	2,178,910	-5	TIÊU CỰC	6,560	24.2	2.6	112
IDI	20.9	4,178,915	-5	TIÊU CỰC	4,758	15.1	1.5	87
ITA	7.32	9,528,890	-5	TIÊU CỰC	6,869	31.1	0.6	70
POW	13.6	24,630,196	-6	TIÊU CỰC	31,849	15.8	1.1	335
DGW	63.5	779,200	-6	TIÊU CỰC	10,355	13.3	5.1	49
VHM	61.4	2,894,510	-7	TIÊU CỰC	267,358	7.0	2.1	178
VIC	72.6	1,802,020	-7	TIÊU CỰC	276,892	#N/A N/A	2.6	131
VCB	74	965,720	-7	TIÊU CỰC	350,206	15.2	3.0	71

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thông tin cập nhật

Giá dầu giảm 3% dù OPEC+ quyết định tuân thủ kế hoạch sản lượng

Giá dầu giảm khoảng 3% trong phiên giao dịch 30/6 trong bối cảnh quan ngại suy thoái vẫn lần át lo lắng triển vọng nguồn cung sau khi OPEC+ thống nhất bám sát kế hoạch sản lượng trước đó.

Giá dầu Brent tương lai giao tháng 9 giảm 3,42 USD, tương đương 3%, xuống 109,03 USD/thùng. Giá hợp đồng tương lai giao tháng 8, đáo hạn vào ngày 30/6, giảm 1,45 USD, tương đương 114,81 USD/thùng.

Giá dầu WTI tương lai giảm 4,02 USD/thùng, tương đương 3,7%, xuống 105,76 USD/thùng.

OPEC+, trong đó có Nga, trong ngày 30/6 thống nhất bám sát kế hoạch sản lượng sau hai ngày nhóm họp. Khối này không tập trung thảo luận định hướng chính sách trong giai đoạn từ tháng 9 trở đi.

Trước đó, OPEC+ thống nhất tăng sản lượng thêm 648.000 thùng/ngày trong tháng 7 và tháng 8.

ECB yêu cầu các ngân hàng tính đến rủi ro suy thoái

ECB tiếp tục dự báo tăng trưởng kinh tế ổn định cho năm nay và năm 2023, song cho hay căng thẳng Nga-Ukraine (U-crai-na), mà gây ra tình trạng thiếu hụt nguồn cung khí đốt, có thể đẩy Khu vực đồng euro vào một cuộc suy thoái sâu trong năm 2023.

Phát biểu trước Ủy ban Nghị viện châu Âu (EP), ông Andrea Enria, cho hay ECB sẽ đề xuất yêu cầu các ngân hàng tính toán lại quỹ đạo vốn theo một kịch bản xấu hơn, trong đó có cả lệnh cấm vận khí đốt hoặc kịch bản suy thoái, và sử dụng điều này cho mục đích xem xét các kế hoạch phân bổ vốn sắp tới. Ông Enria cho hay đề xuất này sẽ được ban giám sát của ECB thảo luận vào tuần tới.

Mặc dù việc tăng lãi suất từ từ, theo đề xuất của ECB, sẽ có lợi cho các ngân hàng, song ông Enria cảnh báo rằng cũng có nguy cơ tăng lãi suất đột ngột, không theo lộ trình, điều mà sẽ ảnh hưởng đến các khách hàng, đặc biệt là trong trường hợp đòn bẩy tài chính cao./.

Giá xăng lần đầu giảm sau gần 3 tháng

Hôm nay (1/7), Liên Bộ Công Thương - Tài chính đã thực hiện điều chỉnh giá xăng dầu theo chu kỳ. Trong kỳ điều chỉnh hôm nay, giá xăng RON 95 được điều chỉnh giảm 110 đồng/lít, xuống mức 32.760 đồng mỗi lít; xăng E5 RON 92 giảm 410 đồng/lít, xuống mức 30.890 đồng mỗi lít.

Giá dầu Diesel 0,05s-II giảm 400 đồng/lít, xuống mức 29.610 đồng/lít; dầu hỏa giảm 430 đồng, xuống mức 28.350 đồng/lít. Dầu mazut giảm 1.010 đồng mỗi lít, xuống còn 19.720 đồng.

Như vậy, giá xăng trong nước đã chính thức giảm sau 7 kỳ điều chỉnh tăng liên tiếp. Lần gần đây nhất giá xăng được điều chỉnh giảm là trong kỳ ngày 12/4.

Trong kỳ điều chỉnh lần này, xăng RON95 không thực hiện trích lập, cũng không chi Quỹ bình ổn xăng dầu; trong khi đó xăng E5 trích lập vào Quỹ 100 đồng mỗi lít. Dầu hỏa trích vào Quỹ 300 đồng mỗi lít.

PMI tháng 6 trên 50 điểm, giá bán thành phẩm cao nhất 11 năm

IHS Markit vừa công bố báo cáo cho thấy Chỉ số nhà quản trị mua hàng (PMI) tháng 6 đạt 54 điểm, thấp hơn mức 54,7 của tháng 5, nhưng vẫn cho thấy sức khỏe của ngành sản xuất được cải thiện.

Trong đó, số lượng và sản lượng đơn đặt hàng mới đều tăng trưởng tốt vào tháng 6 nhờ sức cầu tăng do không bị gián đoạn bởi dịch Covid-19. Hàng hoá tiêu dùng là ngành ghi nhận tốc độ tăng sản lượng và số lượng đơn đặt hàng mới tốt nhất trong tháng cuối cùng của quý II.

Bên cạnh đó, số lượng đơn đặt hàng mới xuất khẩu cũng tăng nhanh, với mức tăng nhanh nhất trong 4 tháng trở lại đây dù hoạt động vận chuyển có những khó khăn nhất định.

Số lượng đơn đặt hàng mới tăng đã khuyến khích các nhà sản xuất tuyển dụng thêm lao động với mức tăng tháng thứ 3 liên tiếp và số lượng việc làm mới được tạo ra nhiều nhất trong 3,5 vừa qua.

NHNN tăng cường hút tiền, gần 45.000 tỷ đồng tín phiếu được phát hành phiên 30/6

Phiên giao dịch cuối tháng 6 chứng kiến hoạt động "mạnh tay" của Ngân hàng Nhà nước (NHNN) trên thị trường mở khi cơ quan này bán thành công 44.999,8 tỷ đồng tín phiếu, hút khỏi thị trường một lượng VND tương ứng. Trong đó, gồm 24.999,9 tỷ đồng tín phiếu kỳ hạn 7 ngày, lãi suất 0,65% và 19.999,9 tỷ đồng tín phiếu kỳ hạn 14 ngày, lãi suất 0,9%.

Lượng tín phiếu phát hành hôm nay lớn hơn nhiều so với các phiên trước đó. Cụ thể, ngày 29/6 chỉ có 7.040 tỷ đồng tín phiếu được "khớp lệnh" thành công, phiên 28/6 và 27/6 cùng 15.000 tỷ, 19.999,8 tỷ phiên 24/6, 29.999,7 tỷ đồng phiên 23/6; 19.400 tỷ đồng phiên 22/6 và 200 tỷ đồng phiên 21/6.

Như vậy, trong 8 phiên giao dịch gần đây, NHNN đã phát hành tổng cộng hơn 151.600 tỷ đồng tín phiếu. Tuy nhiên, trong 3 ngày vừa qua, lượng tín phiếu 7 ngày phát hành trong tuần trước đã bắt đầu đáo hạn với tổng quy mô xấp xỉ 49.600 tỷ đồng. Tựu chung lại, nhà điều hành tiền đã rút ròng khỏi thị trường khoảng 102.000 tỷ đồng qua kênh tín phiếu, riêng hôm nay hút ròng hơn 15.000 tỷ.

Tăng trưởng tiền gửi vào hệ thống ngân hàng bất ngờ chậm lại

Theo số liệu mới được Tổng Cục Thống kê công bố, tính đến thời điểm 20/6/2022, tổng phương tiện thanh toán tăng 3,3% so với cuối năm 2021 (cùng thời điểm năm 2021 tăng 3,48%). Huy động vốn của các tổ chức tín dụng tăng 3,97%. Mặc dù huy động vốn tăng nhanh hơn so với cùng kỳ (cùng thời điểm năm 2021 tăng 3,13%) nhưng vẫn còn chậm hơn so với tăng trưởng tín dụng.

Đến ngày 20/6/2022, tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế đạt 8,51%, cao hơn nhiều so với mức đạt được cùng kỳ năm ngoái (5,47%) và gấp 2,14 lần tốc độ huy động vốn trên toàn hệ thống.

UOB nâng dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm nay lên 7%

Trong báo cáo mới công bố, Ngân hàng UOB Việt Nam nâng dự báo tăng trưởng GDP năm 2022 của Việt Nam lên 7% từ 6,5% trước đó. Dự báo này dựa trên kết quả tăng trưởng mạnh trong quý II (7,7%) và dữ liệu lịch sử cho thấy kết quả hoạt động 6 tháng cuối năm khá tích cực.

Ngoài ra dựa trên giả định không có thêm sự gián đoạn nào do COVID-19 và tăng trưởng GDP của 6 tháng cuối năm vào khoảng 7,6 -7,8%.

Trên cơ sở dữ liệu mới nhất, UOB cho rằng mức dự báo chính thức 6,0-6,5% sẽ được điều chỉnh cao hơn, mặc dù những rủi ro, thách thức vẫn hiện hữu.

Các rủi ro và thách thức bao gồm tác động của xung đột Nga-Ukraine đang diễn ra ảnh hưởng tình hình địa chính trị, giá năng lượng và lương thực tăng cũng như sự gián đoạn chuỗi cung ứng. Ngoài ra, chính sách thắt chặt tiền tệ quyết liệt mang tính cục bộ của Cục Dự trữ Liên bang Hoa Kỳ có thể là một rủi ro đến thị trường tài chính tại các nền kinh tế mới nổi như Việt Nam.

Tổng giám đốc BSR: Kỳ vọng lợi nhuận sẽ tạo đỉnh mới trong năm nay

Tại Talkshow Chọn danh mục kỳ 10 – Cơ hội phục hồi và ẩn số vàng đen, ông Bùi Ngọc Dương, Tổng giám đốc Lọc hóa dầu Bình Sơn (UPCoM: BSR) cho biết diễn biến thị trường tương đối thuận lợi trong 6 tháng đầu năm, giá dầu tăng cao so với dự báo, chênh lệch giá giữa sản phẩm và dầu thô được các tổ chức ấn định cao.

Yếu tố tác động lớn đến giá dầu là căng thẳng địa chính trị xung đột Nga – Ukraine, châu Phi...; năng lực khai thác của các tổ chức như OPEC+ không như kỳ vọng; thị trường phục hồi sau dịch bệnh khiến nhu cầu xăng dầu tăng trở lại. Tất cả yếu tố đó dẫn đến thiếu hụt nguồn cung, cạnh tranh mua trên thế giới và giá dầu được dự báo duy trì ở mức cao trên 105 USD/thùng năm nay.

Theo đó, ông Dương tiết lộ kết quả kinh doanh nửa đầu năm của BSR tăng trưởng rất mạnh so với cùng kỳ năm trước và đạt đỉnh.

Theo công bố trước đó, 5 tháng đầu năm, doanh thu trên 65.840 tỷ đồng, thực hiện 72% kế hoạch năm. Lợi nhuận sau thuế ước đạt 6.764 tỷ đồng, vượt xa kế hoạch được giao (1.295 tỷ đồng). Xét riêng tháng 4 và 5, công ty lọc dầu đạt 31.057 tỷ đồng doanh thu và 4.452 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, vượt xa con số ghi nhận trong quý II/2021 (lần lượt 27.860 tỷ và 1.696 tỷ đồng).

Hải An ước tính lãi sau thuế quý II tăng 79% với cùng kỳ 2021

Vận tải và Xếp dỡ Hải An (HoSE: HAH) vừa công bố ước tính kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm nay với doanh thu 1.615 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế là 437,1 tỷ đồng, lần lượt tăng 99,8% và 138,6% so với cùng kỳ năm trước. Như vậy, công ty đã hoàn thành 67,6% kế hoạch doanh thu và 79,5% chỉ tiêu lợi nhuận.

Trong quý I, doanh thu thuần đạt 652,4 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 262,7 tỷ đồng, lần lượt tăng 81,7% và 207,2% so với quý I/2021. Như vậy, tính riêng quý II, doanh thu đạt 963 tỷ đồng, tăng 114% so với quý II/2021, lợi nhuận sau thuế đạt 174,4 tỷ đồng, tăng 78,5% so với cùng kỳ.

Về kế hoạch mở rộng đội tàu, công ty cũng thông qua việc đầu tư mua tàu A Roku, số IMO 9444974, đóng năm 2008 tại Imabari, Ehime, Nhật Bản.

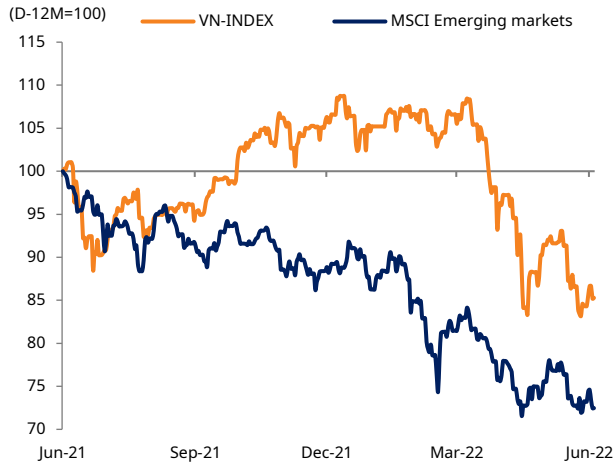
Lợi nhuận trước thuế PV Trans quý II ước giảm 17%

Tại đại hội cổ đông thường niên 2022 của Tổng công ty Vận tải Dầu khí (PVTrans, HoSE: PVT), Chủ tịch HĐQT Phạm Việt Anh cho biết 6 tháng đầu năm, doanh thu khoảng 4.100 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 500 tỷ đồng, lần lượt tăng 14% và giảm 12% so với cùng kỳ 2021. Như vậy PV Trans đã hoàn thành 63% kế hoạch doanh thu.

Trong quý I, đơn vị này ghi nhận doanh thu 2.022 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 239 tỷ đồng, tăng lần lượt 18% và 2,2% so với quý I/2021. Như vậy ước tính trong quý II, doanh thu của PV Trans đạt 2.078 tỷ đồng và lãi trước thuế 261 tỷ đồng, lần lượt tăng 12% và giảm 17,2% so với quý II cùng kỳ năm ngoái.

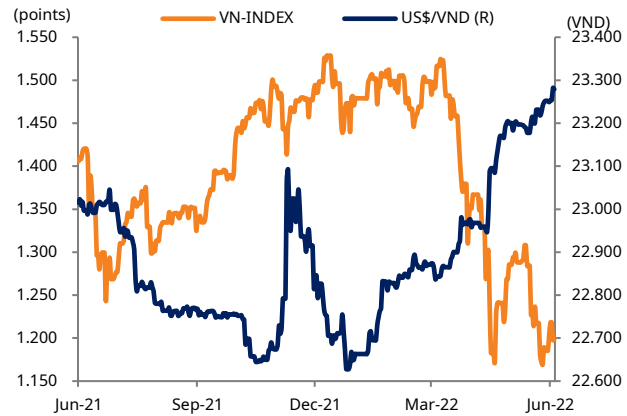
Cũng tại đại hội năm nay, công ty đã thông qua kế hoạch kinh doanh hợp nhất gồm tổng doanh thu 6.500 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 480 tỷ đồng; lần lượt giảm 15,6% và giảm 42% so với thực hiện năm trước. PV Trans có truyền thống đặt kế hoạch kinh doanh thấp và sau đó vượt kế hoạch.

Biểu đồ 2. VN Index và MSCI Emerging Markets



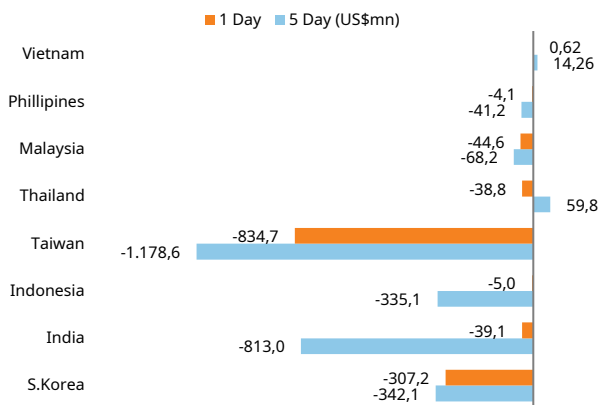
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 3. VN-Index và USD/VND



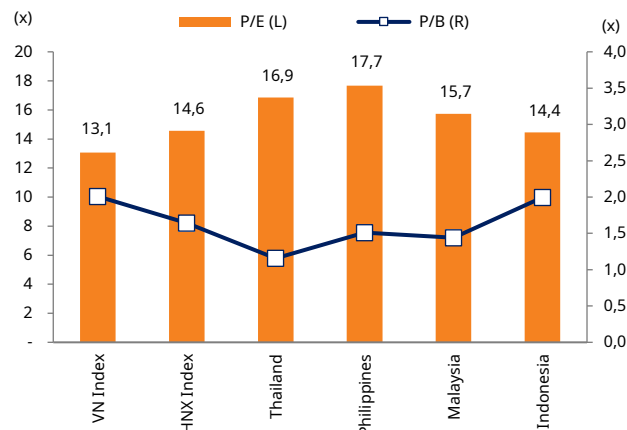
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 4. Hoạt động nhà đầu tư nước ngoài



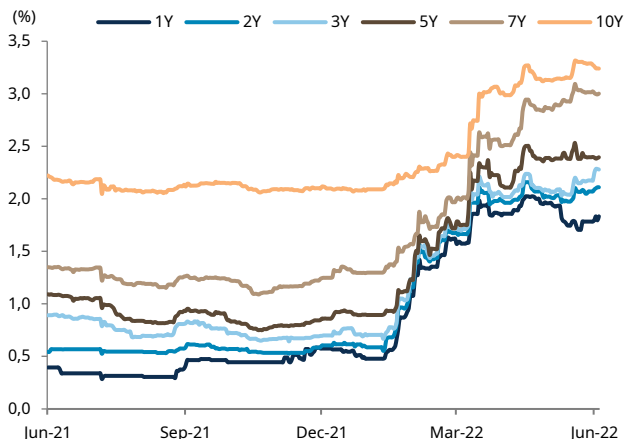
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 5. Định giá P/E và P/B các thị trường



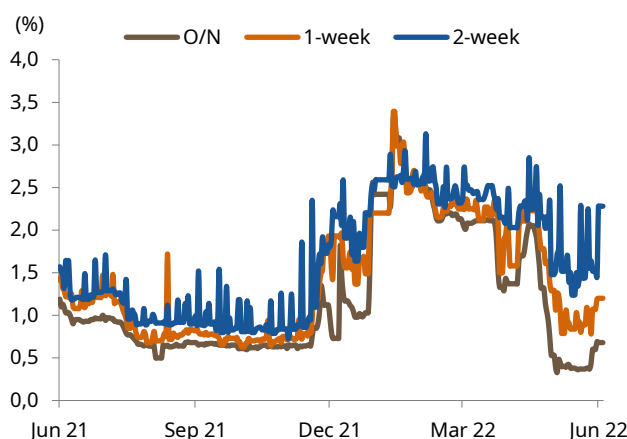
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (Tỷ VND)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN30 Index	VN30 Index	1,252.24	3,329,023		0.3	1.4	-6.2	-19.0	11.7	10.5	2.2	1.8	38.5	11.7	19.6	20.9
Ngân hàng TMCP Á Châu	ACB VN	24,050	81,227	37.5	0.2	1.1	-3.3	-16.4	8.6	7.5	1.8	1.4	24.6	14.7	23.5	24.9
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển	BID VN	35,050	177,301	16.9	4.6	12.3	-0.3	-6.8	20.3	13.3	2.1	1.8	50.3	52.4	11.0	16.0
Tập đoàn Bảo Việt	BVH VN	53,100	39,417	26.5	1.1	-3.1	0.4	-10.0	20.8	16.6	1.9	1.7	21.8	25.3	9.2	11.0
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	CTG VN	26,950	129,515	26.5	3.1	8.9	-2.9	-33.6	9.2	6.9	1.4	1.2	18.2	32.8	15.8	18.3
CTCP FPT	FPT VN	88,000	96,539	49.0	2.1	2.9	-5.5	18.8	24.3	18.2	5.3	4.7	21.5	33.4	23.4	26.9
TCT Khí Việt Nam	GAS VN	113,000	216,276	2.9	-2.2	-0.9	-6.6	20.0	25.9	16.8	4.2	3.7	8.1	54.6	16.8	22.6
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	GVR VN	22,600	90,400	0.5	0.2	-0.7	-10.1	-37.9	21.7	18.5	1.9	#N/A	10.3	17.3	8.7	10.0
Ngân hàng TMCP Phát triển TP HCM	HDB VN	24,500	49,299	17.0	2.1	6.5	-6.3	-16.0	8.1	6.6	1.7	1.3	42.5	22.1	23.3	22.4
Tập đoàn Hoà Phát	HPG VN	22,400	130,251	20.7	0.4	2.8	-15.2	-44.8	4.1	4.4	1.4	1.1	151.5	-7.9	42.8	28.9
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền	KDH VN	38,850	24,978	32.2	-0.1	1.0	-7.5	3.1	21.7	18.2	2.5	2.2	3.1	19.5	12.2	12.9
Ngân hàng TMCP Quân đội	MBB VN	24,200	91,435	23.2	0.0	2.1	-12.3	-24.8	7.2	5.8	1.5	1.2	53.0	24.1	23.6	24.1
Tập đoàn Masan	MSN VN	109,500	155,898	28.8	-2.2	0.0	-4.8	15.8	18.1	24.0	4.7	4.0	589.7	-24.6	35.1	18.2
CTCP Thế giới di động	MWG VN	70,300	102,899	48.9	-1.7	-2.2	-3.4	39.6	20.4	17.3	4.9	4.4	18.2	17.7	27.3	27.0
Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	NVL VN	74,400	145,064	6.1	-0.1	0.5	-4.6	-18.8	40.9	28.1	4.1	3.6	-18.7	45.4	10.6	15.1
CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt	PDR VN	52,400	35,194	2.4	1.2	-0.2	-3.9	-25.5	19.5	#N/A	5.0	#N/A	53.5	#N/A	29.3	#N/A
Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam	PLX VN	40,600	51,586	17.3	0.7	-0.5	-8.8	-26.8	22.7	18.9	2.1	2.0	160.6	19.9	9.7	11.0
CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận	PNJ VN	128,200	31,071	49.0	-0.2	5.1	9.3	27.9	30.5	20.7	4.8	3.6	-2.6	47.4	17.0	22.3
TCT Điện lực Dầu khí Việt Nam	POW VN	13,600	31,849	2.3	0.0	0.4	-2.5	12.4	18.0	16.4	1.1	1.0	-24.2	9.8	6.2	6.3
TCT CP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	SAB VN	153,900	98,693	62.7	-0.5	-1.1	0.5	-8.2	28.0	22.3	4.7	4.2	-22.9	25.4	17.1	20.0
CTCP Chứng Khoán Sài Gòn	SSI VN	19,700	29,356	34.1	4.8	5.9	-29.1	-44.8	8.1	7.5	1.5	1.1	100.3	8.5	21.0	19.3
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	STB VN	22,000	41,475	21.5	2.3	3.8	-1.1	-29.0	13.5	12.6	1.2	1.1	30.6	7.4	9.5	11.6
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	TCB VN	36,000	126,393	22.5	1.3	1.4	-2.3	-32.5	7.0	5.8	1.4	1.1	46.1	20.0	21.7	20.9
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	TPB VN	27,300	43,182	30.0	0.6	5.0	-14.7	-0.9	8.4	11.8	1.7	1.3	28.5	-28.5	22.6	22.3
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN	VCB VN	74,000	350,206	23.6	-1.1	-1.3	-8.1	-18.9	17.6	13.2	3.2	2.5	19.7	33.6	19.6	21.3
Công ty Cổ phần Vinhomes	VHM VN	61,400	267,358	23.4	-1.1	-2.8	-12.7	-31.9	6.8	8.3	2.1	1.7	40.9	-18.3	36.9	22.8
Tập đoàn Vingroup	VIC VN	72,600	276,892	12.3	-1.2	-2.7	-8.4	-31.1	#N/A	238.3	2.7	2.7	-145.6	144.5	-2.8	1.0
CTCP Hàng Không Vietjet	VJC VN	130,100	70,464	16.8	0.1	1.4	-0.9	7.8	936.0	57.3	4.2	#N/A	6.1	1,533.8	0.5	7.7
CTCP Sữa Việt Nam	VNM VN	73,700	154,030	54.4	2.1	3.1	2.5	-18.9	16.3	16.8	4.7	4.5	-5.3	-2.9	29.3	28.1
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VPB VN	29,100	129,363	17.4	0.3	3.4	-5.7	-25.6	11.0	6.3	1.7	1.3	11.6	73.2	17.9	21.1
CTCP Vincom Retail	VRE VN	28,650	65,102	31.1	0.4	4.0	-4.7	-9.9	49.6	29.3	2.1	2.0	-44.8	69.2	4.4	7.2

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Bảng 2: Biến động ngành

Nhóm ngành (Chuẩn GICS)	Điểm tác động (VN-Index 1D)	Vốn hóa (Tỷ VND)	Biến động giá (%)				Tăng trưởng EPS (%)*		P/E (X)*	
			1D	1W	1M	1Y	FY21	FY22	FY21	FY22
VN-Index	1.30	4,758,219	0.1	1.1	-7.7	-15.4	35.2	17.5	17.3	11.8
Ô tô và phụ tùng	-0.01	9,014	-0.5	2.2	-1.6	14.9	-0.3	32.4	15.9	11.3
Ngân hàng	4.12	1,474,691	1.1	3.6	-5.4	-19.2	32.1	28.8	12.9	8.2
Xây dựng cơ bản	0.25	221,428	0.5	0.6	-11.3	25.8	19.9	31.3	19.6	9.7
Dịch vụ thương mại	-0.01	5,775	-0.5	6.9	4.9	25.8	-5.1	33.5	16.5	12.8
May mặc và trang sức	-0.06	53,902	-0.3	3.3	0.1	15.6	11.7	61.0	16.2	10.9
Dịch vụ tiêu dùng	-0.01	7,453	-0.5	2.0	-1.2	1.0	1798.5	165.3	95.3	28.7
Dịch vụ tài chính	1.48	111,553	5.5	7.7	-18.9	-16.6	143.8	10.5	11.8	6.1
Dầu khí	0.15	69,930	0.8	0.2	-11.2	-20.4	83.2	9.1	28.0	19.2
Thực phẩm, đồ uống	-0.38	527,098	-0.2	1.2	-2.2	3.8	28.6	14.5	23.3	17.3
Y tế	0.03	3,144	3.4	5.5	4.2	61.9	65.3	13.9	28.7	20.0
Bảo hiểm	0.16	53,058	1.1	-1.7	0.1	0.7	28.2	-2.5	18.4	18.0
Nguyên vật liệu	-0.39	378,603	-0.2	-0.7	-12.6	-7.3	118.0	-3.5	8.8	6.3
Dược phẩm	-0.01	28,491	-0.2	0.5	-5.6	-5.0	7.4	5.1	18.1	14.6
Bất động sản	-2.64	1,033,782	-0.9	-0.6	-9.4	-18.3	8.0	10.2	24.4	17.0
Bán lẻ	-0.52	121,260	-1.5	-1.6	-2.7	75.6	33.8	24.1	11.6	9.1
Phần mềm và dịch vụ	0.62	104,097	2.4	3.2	-4.7	22.9	22.6	23.3	18.4	16.9
Vận tải	0.07	182,232	0.2	1.1	-7.1	12.5	-29.1	56.1	#N/A	#N/A
Tiện ích	-1.45	350,170	-1.5	-0.2	-5.3	20.9	10.1	16.8	16.6	16.9

Nguồn: Bloomberg, (*) Mirae Asset Research dự phóng

Bảng 3: Các cổ phiếu tác động VN-Index

Top 10 tác động VN-Index: Chiều tăng điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
BID VN	35,050	4.6	3,520,700	2.1
CTG VN	26,950	3.1	3,534,400	1.0
VNM VN	73,700	2.1	2,859,000	0.8
VIB VN	22,750	5.8	2,331,300	0.7
FPT VN	88,000	2.1	1,696,500	0.5
TCB VN	36,000	1.3	3,473,300	0.4
VND VN	18,600	6.9	35,630,900	0.4
SSI VN	19,700	4.8	15,527,500	0.4
HDB VN	24,500	2.1	2,049,800	0.3
STB VN	22,000	2.3	16,869,800	0.2

Nguồn: Bloomberg

Top 10 tác động VN-Index: Chiều giảm điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
GAS VN	113,000	-2.2	974,500	-1.3
BCM VN	63,200	-5.7	94,100	-1.0
VCB VN	74,000	-1.1	1,383,000	-1.0
MSN VN	109,500	-2.2	478,200	-0.9
VIC VN	72,600	-1.2	1,866,600	-0.9
VHM VN	61,400	-1.1	2,974,000	-0.8
MWG VN	70,300	-1.7	3,285,200	-0.5
DGC VN	112,000	-3.9	1,790,000	-0.4
DCM VN	31,500	-3.8	3,238,300	-0.2
VHC VN	90,000	-3.7	1,274,700	-0.2

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) JSC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.